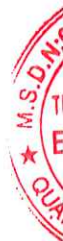


Công ty Cổ phần Dược phẩm TV.Pharm

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023



MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	10 - 37

Công ty Cổ phần Dược phẩm TV.Pharm

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ Phần Dược phẩm TV.Pharm ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 2100274872 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Trà Vinh cấp ngày 9 tháng 5 năm 2003 và GCNĐKDN điều chỉnh gần nhất lần thứ 17 ngày 6 tháng 1 năm 2023.

Cổ phiếu của Công ty được đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ("SGDCKHN") với mã TVP theo Quyết định số 589/QĐ-SGDHN do SGDCKHN cấp ngày 9 tháng 8 năm 2017.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là sản xuất, kinh doanh và xuất nhập khẩu thuốc, hóa dược, dược liệu; đồ uống không cồn và nước khoáng; bán buôn đồ dùng khác cho gia đình và bán buôn đồ uống.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 27 Nguyễn Chí Thanh, Phường 9, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có hai mươi một (21) chi nhánh tọa lạc tại các tỉnh thành khác nhau của Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Đắc Hải	Chủ tịch	
Ông Hà Ngọc Sơn	Thành viên	
Ông Trần Lê Nam	Thành viên	bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2023
Ông Trần Thái Tùng	Thành viên	miễn nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2023

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Mai Văn Sáu	Trưởng ban	bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2023
Bà Lê Thị Tuyết Mai	Thành viên	
Ông Lê Văn Khôi	Thành viên	
Ông Hàng Phúc Lâm	Thành viên	miễn nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2023
Bà Dương Thu Hương	Thành viên	miễn nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2023

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Hà Ngọc Sơn	Tổng Giám đốc	
Ông Lê Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Văn Tâm	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Đắc Hải	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Thành Sĩ	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thị Hồng Cẩm	Giám đốc Tài chính/ Kế toán trưởng	bổ nhiệm ngày 24 tháng 5 năm 2023

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo như sau:

Ông Hà Ngọc Sơn	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đắc Hải	Phó Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Dược phẩm TV.Pharm

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm TV.Pharm ("Công ty") trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Hà Ngọc Sơn
Tổng Giám đốc

Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 8 năm 2023

Số tham chiếu: 12239608/66926283-HN

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Dược phẩm TV.Pharm

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Dược phẩm TV.Pharm (“Công ty”) và công ty con (sau đây được gọi chung là “Nhóm Công ty”), được lập ngày 25 tháng 8 năm 2023 và được trình bày từ trang 5 đến trang 37, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 chưa được soát xét.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Quốc Hoàng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 2787-2022-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 8 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		549.298.617.678	512.114.502.175
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	41.494.923.694	102.911.699.669
111	1. Tiền		21.494.923.694	32.911.699.669
112	2. Các khoản tương đương tiền		20.000.000.000	70.000.000.000
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		320.564.971.032	233.376.134.479
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	109.858.794.028	113.277.612.673
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	90.425.860.382	24.904.723.520
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	123.737.609.365	101.737.609.365
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	5.618.241.435	2.398.309.048
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5,8,9	(12.285.598.529)	(12.285.598.529)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý	9	3.210.064.351	3.343.478.402
140	III. Hàng tồn kho	10	180.461.732.424	170.489.379.742
141	1. Hàng tồn kho		180.461.732.424	170.489.379.742
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		6.776.990.528	5.337.288.285
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	4.662.078.940	2.525.226.968
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	17	2.114.911.588	2.812.061.317
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		200.036.953.795	164.609.967.844
210	I. Khoản phải thu dài hạn		60.709.913.144	60.659.413.144
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	60.709.913.144	60.659.413.144
220	II. Tài sản cố định		38.641.158.671	38.112.674.967
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	32.765.036.292	33.697.230.412
222	Nguyên giá		155.169.632.556	154.053.926.810
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(122.404.596.264)	(120.356.696.398)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	5.876.122.379	4.415.444.555
228	Nguyên giá		9.534.367.123	7.983.967.123
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(3.658.244.744)	(3.568.522.568)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		97.886.282.722	61.882.614.560
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	97.886.282.722	61.882.614.560
260	IV. Tài sản dài hạn khác		2.799.599.258	3.955.265.173
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	2.799.599.258	3.955.265.173
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		749.335.571.473	676.724.470.019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		313.741.195.005	267.299.040.172
310	I. Nợ ngắn hạn		248.152.015.976	263.772.916.519
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	88.315.160.096	109.224.813.384
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	2.816.712.873	21.012.308.541
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	10.200.619.634	27.262.296.165
314	4. Phải trả người lao động		22.971.661.467	27.820.309.432
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	39.638.030.278	22.972.797.841
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	19	4.406.230.900	5.051.960.998
320	7. Vay ngắn hạn	20	72.206.275.596	48.376.119.382
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.15	7.597.325.132	2.052.310.776
330	II. Nợ dài hạn		65.589.179.029	3.526.123.653
338	1. Vay dài hạn	20	65.057.993.176	2.853.337.800
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn	3.11	531.185.853	672.785.853
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	21	435.594.376.468	409.425.429.847
410	I. Vốn chủ sở hữu		435.594.376.468	409.425.429.847
411	1. Vốn cổ phần		294.935.290.000	294.935.290.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		294.935.290.000	294.935.290.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		3.063.108.125	3.063.108.125
415	3. Cổ phiếu quỹ		(1.540.000)	(1.540.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		98.917.531.288	866.096.003
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		38.679.987.055	110.562.475.719
421a	- (Lỗi lũy kế) lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		(458.312.482)	3.925.585.958
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		39.138.299.537	106.636.889.761
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		749.335.571.473	676.724.470.019



Nguyễn Thị Hồng Cẩm
Người lập/Kế toán trưởng



Hà Ngọc Sơn
Tổng Giám đốc

Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 8 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 223	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (chưa được soát xét)
01	1. Doanh thu bán hàng	22.1	571.056.909.831	487.633.583.223
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22.1	(1.324.642.786)	(404.037.948)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng	22.1	569.732.267.045	487.229.545.275
11	4. Giá vốn hàng bán	23	(416.738.261.242)	(358.811.269.712)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng		152.994.005.803	128.418.275.563
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	7.484.301.824	3.219.528.015
22	7. Chi phí tài chính	24	(7.437.878.727)	(5.614.461.439)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(1.908.076.193)	(728.487.294)
25	8. Chi phí bán hàng	25	(80.986.863.355)	(62.171.761.155)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(23.776.835.357)	(17.807.641.869)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		48.276.730.188	46.043.939.115
31	11. Thu nhập khác	26	1.189.981.959	962.114.190
32	12. Chi phí khác		(189.836.326)	(145.033.112)
40	13. Lợi nhuận khác		1.000.145.633	817.081.078
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		49.276.875.821	46.861.020.193
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	28.1	(10.138.576.284)	(9.400.148.649)
60	16. Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN		39.138.299.537	37.460.871.544
61	17. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		39.138.299.537	37.460.871.544
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	31	1.166	1.118
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	31	1.166	1.118

Nguyễn Thị Hồng Cẩm
Người lập/Kế toán trưởng

Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 8 năm 2023



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (chưa được soát xét)
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		49.276.875.821	46.861.020.193
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	11, 12	3.754.546.243	3.193.091.408
03	Hoàn nhập dự phòng		(141.600.000)	-
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(4.287.043.711)	(2.599.725.639)
06	Chi phí lãi vay	24	1.908.076.193	728.487.294
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		50.510.854.546	48.182.873.256
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		17.993.159.856	(58.108.226.409)
10	Tăng hàng tồn kho		(9.972.352.682)	(8.760.186.306)
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(27.900.930.806)	66.673.673.978
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(981.186.057)	1.331.414.446
14	Tiền lãi vay đã trả		(1.908.076.193)	(728.487.294)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	17	(27.233.716.591)	(6.000.453.092)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(7.424.338.560)	(10.153.051.470)
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh		(6.916.586.487)	32.437.557.109
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(120.104.951.820)	(6.413.838.577)
23	Tiền chi cho vay	7	(22.000.000.000)	(5.500.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay	7	-	2.500.000.000
27	Lãi tiền gửi và cho vay		1.569.950.742	3.832.535.003
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(140.535.001.078)	(5.581.303.574)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	20	233.748.911.931	167.470.612.624
34	Tiền trả nợ gốc vay	20	(147.714.100.341)	(167.554.854.909)
36	Cổ tức đã trả	21.4	-	(17.404.387.760)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính		86.034.811.590	(17.488.630.045)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (chưa được soát xét)
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ		(61.416.775.975)	9.367.623.490
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		102.911.699.669	20.308.037.103
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	41.494.923.694	29.675.660.593



Nguyễn Thị Hồng Cẩm
Người lập/Kế toán trưởng



Hà Ngọc Sơn
Tổng Giám đốc

Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 8 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ Phần Dược phẩm TV.Pharm (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) số 2100274872 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Trà Vinh cấp ngày 9 tháng 5 năm 2003 và GCNĐKDN điều chỉnh gần nhất lần thứ 17 ngày 6 tháng 1 năm 2023.

Cổ phiếu của Công ty được đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (“SGDCKHN”) với mã TVP theo Quyết định số 589/QĐ-SGDHN do SGDCKHN cấp ngày 9 tháng 8 năm 2017.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là sản xuất, kinh doanh và xuất nhập khẩu thuốc, hóa dược, dược liệu; đồ uống không cồn và nước khoáng; bán buôn đồ dùng khác cho gia đình và bán buôn đồ uống.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 27 Nguyễn Chí Thanh, Phường 9, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có hai mươi một (21) chi nhánh tọa lạc tại các tỉnh thành khác nhau của Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 là 873 (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 816).

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty có một (1) công ty con trực tiếp. Chi tiết như sau:

- Công ty TNHH Một thành viên Dược phẩm Công nghệ cao TVP (“TVP Hi-tech”)

TVP Hi-tech là một công ty TNHH được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 2100655331 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Trà Vinh cấp ngày 9 tháng 4 năm 2021. Hoạt động kinh doanh chính đăng ký của TVP Hi-tech là sản xuất, kinh doanh và xuất nhập khẩu thuốc, hóa dược, dược liệu. TVP Hi-tech có trụ sở chính đăng ký tại Cụm công nghiệp Tân Ngãi, Đường Lê Văn Tám, Ấp Tân Ngãi, Xã Lương Hòa A, Huyện Châu Thành, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam.

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty nắm giữ 100% vốn cổ phần trong TVP Hi-tech.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con (“Nhóm Công ty”) được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

2.5 Thông tin so sánh

Số liệu tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 được trình bày cho mục đích so sánh và chưa được soát xét.

2.6 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm các báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và hàng hóa	- chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	- giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm và các hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.4. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.5. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6. Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Quyền sử dụng đất	32 - 50 năm
Bản quyền, bằng sáng chế	3 năm
Phần mềm máy tính	5 - 6 năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	3 - 17 năm
Máy móc và thiết bị	4 - 10 năm
Phương tiện vận tải	5 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 9 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	6 năm

3.7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và được đưa vào hoạt động.

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Nhóm công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho người lao động đã làm việc thường xuyên từ đủ 12 tháng trở lên tại Nhóm Công ty. Mức trích lập được tính bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc đủ điều kiện hưởng trợ cấp thôi việc theo Luật lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 46 của Bộ luật Lao động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.13 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

3.14 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Nhóm Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Nhóm Công ty không ghi nhận các khoản lãi/lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.15 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.17 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.18 Bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	349.308.924	638.054.400
Tiền gửi ngân hàng	21.145.614.770	32.273.645.269
Các khoản tương đương tiền (*)	<u>20.000.000.000</u>	<u>70.000.000.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>41.494.923.694</u>	<u>102.911.699.669</u>

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng tại ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất 4,3%/năm (Năm 2022: Số dư này thể hiện khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng tại ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất từ 4,0%/năm đến 6,0%/năm).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Phải thu từ khách hàng	107.994.739.519	107.424.977.461
Phải thu từ bên liên quan (<i>Thuyết minh số 29</i>)	<u>1.864.054.509</u>	<u>5.852.635.212</u>
TỔNG CỘNG	109.858.794.028	113.277.612.673
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	<u>(9.194.597.930)</u>	<u>(9.194.597.930)</u>
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>100.664.196.098</u>	<u>104.083.014.743</u>
<i>Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi:</i>		
	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (chưa được soát xét)</i>
Số đầu kỳ và số cuối kỳ	<u>9.194.597.930</u>	<u>9.560.740.928</u>

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Trả trước cho người bán	76.125.860.382	10.604.723.520
<i>Công ty TNHH Cơ nhiệt điện lạnh Bách Khoa</i>	<i>13.057.383.255</i>	<i>-</i>
<i>ACG Pam Pharma Technologies Private Limited</i>	<i>12.477.492.300</i>	<i>-</i>
<i>Formapharm Engineering Group</i>	<i>-</i>	<i>3.372.668.250</i>
<i>Công ty Cổ phần Hưng Thành C&T</i>	<i>2.013.868.000</i>	<i>2.857.400.000</i>
<i>Khác</i>	<i>48.577.116.827</i>	<i>4.374.655.270</i>
Trả trước cho bên liên quan (<i>Thuyết minh số 29</i>)	<u>14.300.000.000</u>	<u>14.300.000.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>90.425.860.382</u>	<u>24.904.723.520</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Số tăng trong kỳ	Số giảm trong kỳ	VND Ngày 30 tháng 6 2023
Công ty Cổ phần Aikya	<u>101.737.609.365</u>	<u>22.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>123.737.609.365</u>

Chi tiết khoản cho bên liên quan vay tín chấp ngắn hạn như sau:

Bên liên quan	Số cuối năm VND	Ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm
Công ty Cổ phần Aikya (Thuyết minh số 29)	<u>123.737.609.365</u>	Từ ngày 28 tháng 9 năm 2023 đến ngày 29 tháng 11 năm 2023	7,0 - 7,5

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm	VND Số đầu năm
Ngắn hạn	5.618.241.435	2.398.309.048
Lãi cho vay bên liên quan (Thuyết minh số 29)	4.030.344.606	1.307.678.720
Tạm ứng cho nhân viên	1.343.318.212	760.070.190
Ký quỹ, ký cược	39.662.910	20.731.139
Khác	204.915.707	309.828.999
Dài hạn	60.709.913.144	60.659.413.144
Tạm ứng cho cá nhân (*)	60.000.000.000	60.000.000.000
Ký quỹ, ký cược	709.913.144	659.413.144
TỔNG CỘNG	66.328.154.579	63.057.722.192
Dự phòng phải thu khác khó đòi	<u>(85.232.572)</u>	<u>(85.232.572)</u>
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>66.242.922.007</u>	<u>62.972.489.620</u>

(*) Số dư này thể hiện khoản ủy thác cho một cá nhân nhằm mục đích đầu tư vào các công ty ngành dược, công ty ngành năng lượng, công ty phát triển Bất động sản tại Việt Nam trong thời hạn là 3 năm kể từ khi Thỏa thuận số 2411/2011/TVP-NNT được ký ngày 24 tháng 11 năm 2022. Theo đó, cá nhân này phải hoàn trả lại toàn bộ số tiền này cộng với một khoản tiền lãi tương ứng với lãi suất áp dụng tính trên số tiền chưa thực hiện đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN THIẾU CHỜ XỬ LÝ

	VND			
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu trình dược viên	3.210.064.351	(3.005.768.027)	3.237.410.351	(3.005.768.027)
Hàng tồn kho thiếu chờ xử lý	-	-	106.068.051	-
TỔNG CỘNG	3.210.064.351	(3.005.768.027)	3.343.478.402	(3.005.768.027)

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng nợ tài sản thiếu chờ xử lý khó đòi:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (chưa được soát xét)
Số đầu kỳ và số cuối kỳ	<u>3.005.768.027</u>	<u>2.878.887.530</u>

10. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Nguyên vật liệu	77.129.833.787	108.536.924.755
Thành phẩm	73.775.090.918	48.738.469.251
Hàng mua đang đi trên đường	14.998.403.800	774.506.610
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	10.416.304.571	10.141.391.336
Hàng hóa	4.142.099.348	2.298.087.790
TỔNG CỘNG	180.461.732.424	170.489.379.742

Công ty đã thế chấp một phần hàng tồn kho với giá trị là 36.500.000.000 VN để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng ngắn hạn (Thuyết minh số 20).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VND			
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Bản quyền, bằng sáng chế</i>	<i>Phần mềm kế toán</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	6.369.056.305	885.378.818	729.532.000	7.983.967.123
Mua mới trong kỳ	-	-	1.550.400.000	1.550.400.000
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	6.369.056.305	885.378.818	2.279.932.000	9.534.367.123
<i>Trong đó:</i>				
<i>Đã hao mòn hết</i>	-	885.378.818	729.532.000	1.614.910.818
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	(1.953.611.750)	(885.378.818)	(729.532.000)	(3.568.522.568)
Hao mòn trong kỳ	(63.882.176)	-	(25.840.000)	(89.722.176)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	(2.017.493.926)	(885.378.818)	(755.372.000)	(3.658.244.744)
Giá trị còn lại:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	4.415.444.555	-	-	4.415.444.555
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	4.351.562.379	-	1.524.560.000	5.876.122.379
<i>Trong đó:</i>				
<i>Tài sản sử dụng để thế chấp (Thuyết minh số 20)</i>	4.351.562.379	-	-	4.351.562.379

Công ty Cổ phần Dược phẩm TV.Pharm

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

VND

Tài sản cố định
hữu hình khác

Tổng cộng

Nguyên giá:

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định hữu hình khác	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	36.555.208.696	93.265.654.773	20.827.960.969	3.344.602.372	60.500.000	154.053.926.810
Mua trong kỳ	-	2.397.403.773	340.799.091	-	-	2.738.202.864
Thanh lý	-	(929.056.319)	(401.040.770)	(292.400.029)	-	(1.622.497.118)

Vào ngày 30 tháng 6 năm
2023

36.555.208.696

94.734.002.227

20.767.719.290

3.052.202.343

60.500.000

155.169.632.556

Trong đó:

Đã khấu hao hết

19.026.704.846

59.251.769.140

6.948.720.402

2.205.974.979

60.500.000

87.493.669.367

Giá trị khấu hao lũy kế:

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	(29.668.917.161)	(75.547.641.217)	(12.500.764.339)	(2.578.873.681)	(60.500.000)	(120.356.696.398)
Khấu hao trong kỳ	(698.697.902)	(2.088.145.341)	(809.059.793)	(68.921.031)	-	(3.664.824.067)
Thanh lý	-	929.056.319	395.467.853	292.400.029	-	1.616.924.201

Vào ngày 30 tháng 6 năm
2023

(30.367.615.063)

(76.706.730.239)

(12.914.356.279)

(2.355.394.683)

(60.500.000)

(122.404.596.264)

Giá trị còn lại:

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	6.886.291.535	17.718.013.556	8.327.196.630	765.728.691	-	33.697.230.412
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	6.187.593.633	18.027.271.988	7.853.363.011	696.807.660	-	32.765.036.292

Trong đó:

Tài sản sử dụng
để thế chấp
(Thuyết minh số 20)

3.404.646.312

-

-

3.404.646.312

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Dự án nhà máy Dược phẩm GMP-EU	48.365.991.969	19.044.732.432
Hạng mục cụm Công nghiệp Tân Ngại	47.199.249.390	40.812.655.703
Hạng mục khác	2.321.041.363	2.025.226.425
TỔNG CỘNG	<u>97.886.282.722</u>	<u>61.882.614.560</u>

Các tài sản gắn liền với dự án nhà máy Dược phẩm GMP-EU được dùng làm tài sản thế chấp cho khoản vay dài hạn ngân hàng (*Thuyết minh số 20.2*).

Trong kỳ, Công đã vốn hóa chi phí lãi vay với tổng số tiền là 1.406.771.393 VND (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022: 5.628.502 VND). Các khoản chi phí đi vay này liên quan đến khoản vay nhằm tài trợ cho việc xây dựng dự án nhà máy Dược phẩm GMP-EU đang triển khai của Công ty.

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Ngắn hạn	4.662.078.940	2.525.226.968
Chi phí thuê	2.102.805.789	954.166.665
Phí dịch vụ mua ngoài	794.235.858	1.233.171.922
Công cụ, dụng cụ	505.569.493	225.516.195
Khác	1.259.467.800	112.372.186
Dài hạn	2.799.599.258	3.955.265.173
Chi phí phát triển sản phẩm	1.800.000.002	2.000.000.000
Chi phí kiểm nghiệm	947.865.091	1.353.341.281
Khác	51.734.165	601.923.892
TỔNG CỘNG	<u>7.461.678.198</u>	<u>6.480.492.141</u>

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Phải trả cho người bán	86.356.815.404	109.224.813.384
<i>Act Activites Chimiques Et Therapeutiques Laboratoires Sarl</i>	11.666.735.000	-
<i>Aurobindo Pharma Limited</i>	14.998.403.800	-
<i>The United Laboratories (Inner Mongolia) Co.,Ltd</i>	-	17.344.800.000
Khác	59.691.676.604	91.880.013.384
Phải trả cho bên liên quan (<i>Thuyết minh số 29</i>)	1.958.344.692	-
TỔNG CỘNG	<u>88.315.160.096</u>	<u>109.224.813.384</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Typical Medical for Importing Drug and Medical Republic of Yemen	782.037.147	782.037.147
Công ty Cổ phần Dược phẩm Medisun Rahman Sehat Ltd	687.925.098	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Laduca	379.410.658	51.176.189
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương VIDIPHA	294.294.000	-
Khác	-	20.018.691.000
	673.045.970	160.404.205
TỔNG CỘNG	<u>2.816.712.873</u>	<u>21.012.308.541</u>

17. THUẾ

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2023
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	<u>2.812.061.317</u>	<u>29.429.800.085</u>	<u>(30.126.949.814)</u>	<u>2.114.911.588</u>
Phải nộp				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	27.233.716.591	10.138.576.284	(27.233.716.591)	10.138.576.284
Thuế giá trị gia tăng	-	47.208.524.010	(47.208.524.010)	-
Thuế thu nhập cá nhân	28.579.574	3.821.660.335	(3.831.266.280)	18.973.629
Thuế khác	-	<u>923.052.471</u>	<u>(879.982.750)</u>	<u>43.069.721</u>
TỔNG CỘNG	<u>27.262.296.165</u>	<u>62.091.813.100</u>	<u>(79.153.489.631)</u>	<u>10.200.619.634</u>

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Chi phí quảng cáo, khuyến mãi	38.868.566.163	21.767.186.176
Khác	769.464.115	1.205.611.665
TỔNG CỘNG	<u>39.638.030.278</u>	<u>22.972.797.841</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. PHẢI TRẢ NGÁN HẠN KHÁC

	VND	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
Thuế thu nhập cá nhân hoàn lại cho nhân viên	3.020.043.701	3.623.535.753
Nhận ký quỹ, ký cược	1.072.910.087	1.172.910.087
Tài sản thừa chờ giải quyết	-	208.350.285
Khác	313.277.112	47.164.873
TỔNG CỘNG	<u>4.406.230.900</u>	<u>5.051.960.998</u>

Công ty Cổ phần Dược phẩm TV.Pharm

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. VAY

	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Số tăng trong kỳ	Số giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2023
Ngắn hạn	48.376.119.382	171.544.256.555	(147.714.100.341)	72.206.275.596
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 20.1)	48.376.119.382	171.544.256.555	(147.714.100.341)	72.206.275.596
Dài hạn	2.853.337.800	62.204.655.376	-	65.057.993.176
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 20.2)	2.853.337.800	62.204.655.376	-	65.057.993.176
TỔNG CỘNG	51.229.457.182	233.748.911.931	(147.714.100.341)	137.264.268.772

20.1 Vay ngắn hạn

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, chi tiết các khoản vay ngắn hạn như sau:

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo	Mục đích
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Trà Vinh	35.562.912.244	Từ ngày 31 tháng 10 năm 2023 đến ngày 5 tháng 12 năm 2023	6,3 – 7,0	Nhà cửa và quyền sử dụng đất (Thuyết minh số 11 và 12)	Bổ sung vốn lưu động
Ngân hàng Thương mại Cổ Phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Trà Vinh	29.344.364.897	Từ ngày 24 tháng 9 năm 2023 đến ngày 1 tháng 11 năm 2023	6,2 – 7,0	Nhà cửa và quyền sử dụng đất (Thuyết minh số 11 và 12) và hàng tồn kho (Thuyết minh số 10)	Tin chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Trà Vinh	7.298.998.455	Từ ngày 21 tháng 9 năm 2023 đến ngày 28 tháng 9 năm 2023	7,0		
TỔNG CỘNG	72.206.275.596				

Công ty Cổ phần Dược phẩm TV.Pharm

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. VAY (tiếp theo)

20.2 Vay dài hạn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, chi tiết khoản vay dài hạn như sau:

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo	Mục đích
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát Triển Việt Nam – Chi nhánh Trà Vinh	<u>65.057.993.176</u> VND	Ngày 23 tháng 12 năm 2032	Lãi suất cơ bản + 2,5%	Tài sản trên đất của Nhà máy Dược phẩm GMP-EU (Thuyết minh số 13)	Đầu tư xây dựng nhà máy Dược phẩm GMP-EU

Công ty Cổ phần Dược phẩm TV.Pharm

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (chưa được soát xét)						
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	110.879.360.000	3.063.108.125	(1.540.000)	140.571.366.003	80.487.629.515	334.999.923.643
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	37.460.871.544	37.460.871.544
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(15.345.644.427)	(15.345.644.427)
Cổ tức bằng tiền đã công bố	-	-	-	-	(16.631.904.000)	(16.631.904.000)
Ngày 30 tháng 6 năm 2022	110.879.360.000	3.063.108.125	(1.540.000)	140.571.366.003	85.970.952.632	340.483.246.760
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023						
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	294.935.290.000	3.063.108.125	(1.540.000)	866.096.003	110.562.475.719	409.425.429.847
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	39.138.299.537	39.138.299.537
Trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	-	98.051.435.285	(98.051.435.285)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-	-	-	(12.969.352.916)	(12.969.352.916)
Ngày 30 tháng 6 năm 2023	294.935.290.000	3.063.108.125	(1.540.000)	98.917.531.288	38.679.987.055	435.594.376.468

(*) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01-2023/NQ.ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 4 năm 2023 đã thông qua việc trích lập quỹ đầu tư phát triển và quỹ khen thưởng phúc lợi với giá trị lần lượt là 98.051.435.285 VND và 12.969.352.916 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.2 Chi tiết vốn cổ phần

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022	
	Vốn cổ phần	% sở hữu	Vốn cổ phần	% sở hữu
	VND		VND	
Công ty Cổ phần Dược Aikya	266.754.800.000	90,4	254.905.800.000	86,4
Cổ đông khác	28.180.490.000	9,6	40.029.490.000	13,6
TỔNG CỘNG	294.935.290.000	100	294.935.290.000	100

21.3 Cổ phiếu

	Số lượng	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
	VND	
Cổ phiếu đăng ký phát hành	29.493.529	29.493.529
Cổ phiếu đã bán ra công chúng <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	29.493.529 29.493.529	29.493.529 29.493.529
Cổ phiếu quỹ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	154 154	154 154
Cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	29.493.375 29.493.375	29.493.375 29.493.375

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 10.000 VND/cổ phiếu). Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết không hạn chế.

21.4 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (chưa được soát xét)
Vốn cổ phần		
Số đầu kỳ và số cuối kỳ	294.935.290.000	110.879.360.000
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông đã công bố và đã trả trong kỳ		
Cổ tức đã công bố	-	16.631.904.000
Cổ tức đã trả bằng tiền	-	17.404.387.760

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. DOANH THU

22.1 Doanh thu bán hàng

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (chưa được soát xét)
Tổng doanh thu	571.056.909.831	487.633.583.223
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	342.247.681.416	289.131.274.112
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	228.809.228.415	198.502.309.111
Các khoản giảm trừ doanh thu	(1.324.642.786)	(404.037.948)
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	(712.232.186)	(404.037.948)
<i>Giảm giá hàng bán</i>	(612.410.600)	-
Doanh thu thuần	569.732.267.045	487.229.545.275
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	341.116.564.011	288.799.882.438
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	228.615.703.034	198.429.662.837
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu cho bên khác</i>	548.556.210.999	466.535.296.348
<i>Doanh thu cho các bên liên quan (Thuyết minh số 29)</i>	21.176.056.046	20.694.248.927

22.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (chưa được soát xét)
Lãi tiền gửi và cho vay	4.292.616.628	2.599.725.639
Lãi chênh lệch tỷ giá	3.191.685.196	619.802.376
TỔNG CỘNG	7.484.301.824	3.219.528.015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (chưa được soát xét)</i>
Giá vốn thành phẩm	196.681.515.763	167.290.588.628
Giá vốn hàng hóa	<u>220.056.745.479</u>	<u>191.520.681.084</u>
TỔNG CỘNG	<u>416.738.261.242</u>	<u>358.811.269.712</u>

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (chưa được soát xét)</i>
Chiết khấu thanh toán	4.572.435.311	4.258.282.944
Lỗ chênh lệch tỷ giá	957.367.223	627.691.201
Lãi tiền vay	<u>1.908.076.193</u>	<u>728.487.294</u>
TỔNG CỘNG	<u>7.437.878.727</u>	<u>5.614.461.439</u>

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (chưa được soát xét)</i>
Chi phí bán hàng	80.986.863.355	62.171.761.155
Chi phí nhân viên	53.154.133.517	41.206.295.469
Chi phí khuyến mãi, quảng cáo	13.618.004.219	9.610.186.117
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.840.743.836	9.317.500.091
Chi phí khấu hao và hao mòn	521.378.118	344.567.937
Chi phí khác	<u>2.852.603.665</u>	<u>1.693.211.541</u>
Chi phí quản lý doanh nghiệp	23.776.835.357	17.807.641.869
Chi phí nhân viên	11.906.256.664	8.482.087.558
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.621.991.126	6.867.739.093
Chi phí khấu hao và hao mòn	382.046.466	376.658.455
Chi phí khác	<u>4.866.541.101</u>	<u>2.081.156.763</u>
TỔNG CỘNG	<u>104.763.698.712</u>	<u>79.979.403.024</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. THU NHẬP KHÁC

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (chưa được soát xét)
Xử lý hàng tồn kho thừa sau kiểm kê	823.281.641	782.145.121
Thu nhập khác	366.700.318	179.969.069
TỔNG CỘNG	<u>1.189.981.959</u>	<u>962.114.190</u>

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (chưa được soát xét)
Giá vốn hàng hóa	220.056.745.479	191.520.681.084
Chi phí nguyên vật liệu	149.625.574.003	138.099.111.298
Chi phí nhân viên	88.410.406.592	56.506.776.559
Chi phí dịch vụ mua ngoài	41.869.289.534	34.287.327.404
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 11 và 12)	3.754.546.243	3.193.091.408
Chi phí khác	11.044.478.788	6.423.498.677
TỔNG CỘNG	<u>514.761.040.639</u>	<u>430.030.486.430</u>

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Nhóm Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

28.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (chưa được soát xét)</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>10.138.576.284</u>	<u>9.400.148.649</u>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (chưa được soát xét)</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	<u>49.276.875.821</u>	<u>46.861.020.193</u>
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Nhóm Công ty	9.855.375.164	9.372.204.039
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	272.849.937	55.199.139
Lỗi thuế chưa ghi nhận thuế hoãn lại	38.671.183	6.025.471
Chênh lệch tạm thời chưa ghi nhận thuế hoãn lại	<u>(28.320.000)</u>	<u>(33.280.000)</u>
Chi phí thuế TNDN	<u>10.138.576.284</u>	<u>9.400.148.649</u>

28.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và các bên liên quan khác có giao dịch trọng yếu trong kỳ như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty Cổ phần Aikya	Công ty mẹ cao nhất
Công ty Cổ phần Dược Aikya	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Dược phẩm và Sinh học Y tế	Công ty đồng sở hữu bởi Công ty mẹ cao nhất
Công ty Cổ phần Dược S.Pharm	Công ty đồng sở hữu bởi Công ty mẹ cao nhất
Bà Nguyễn Thu Hương	Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty mẹ (từ nhiệm ngày 9 tháng 9 năm 2022)
Công ty Cổ phần Phân phối Dược phẩm và Trang thiết bị Y tế Aikya	Công ty đồng sở hữu bởi Công ty mẹ cao nhất

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước bao gồm:

<i>Công ty liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
		<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (chưa được soát xét)</i>
Công ty Cổ phần Aikya	Cho vay	22.000.000.000	5.500.000.000
	Lãi cho vay	3.488.145.338	2.520.907.335
	Thu hồi nợ vay	-	2.000.000.000
	Sử dụng dịch vụ	-	2.500.000.000
Công ty Cổ phần Dược Aikya	Sử dụng dịch vụ	3.200.000.000	-
	Cổ tức đã trả	-	14.107.413.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm và Sinh học Y tế	Bán hàng	10.730.082.446	9.289.048.773
	Mua hàng	4.995.495.267	8.256.243.858
Công ty Cổ phần Dược S.Pharm	Bán hàng	10.445.973.600	11.405.200.154
	Mua hàng	1.574.538.977	4.448.275.293
Bà Nguyễn Thu Hương	Trả nợ vay	-	1,500,000,000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc năm kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

		VND	
Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	30 tháng 6 năm 2023	31 tháng 12 năm 2022
Phải thu về cho vay ngắn hạn			
Công ty Cổ phần Aikya	Cho vay	<u>123.737.609.365</u>	<u>101.737.609.365</u>
Phải thu khách hàng ngắn hạn			
Công ty Cổ phần Dược S.Pharm	Bán hàng	934.345.134	4.866.472.076
Công ty Cổ phần Dược phẩm và sinh học Y tế	Bán hàng	929.709.375	986.163.136
		<u>1.864.054.509</u>	<u>5.852.635.212</u>
Trả trước cho người bán ngắn hạn			
Công ty Cổ phần Aikya	Trả trước cho hợp đồng nghiên cứu sản phẩm	10.900.000.000	10.900.000.000
	Trả trước mua nguyên vật liệu	3.400.000.000	3.400.000.000
		<u>14.300.000.000</u>	<u>14.300.000.000</u>
Phải thu ngắn hạn khác			
Công ty Cổ phần Aikya	Lãi cho vay	<u>4.030.344.606</u>	<u>1.307.678.720</u>
Phải trả người bán ngắn hạn			
Công ty Cổ phần Dược Aikya	Mua hàng	1.320.000.000	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm và Sinh học Y tế	Mua hàng	638.344.692	-
		<u>1.958.344.692</u>	<u>-</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát như sau:

		VND	
	<i>Chức vụ</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (chưa được soát xét)</i>
Ông Hà Ngọc Sơn	Thành viên HĐQT kiêm TGĐ	1.086.157.104	679.000.000
Ông Nguyễn Đức Hải	Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	916.500.000	442.282.384
Ông Trần Thái Tùng	Thành viên HĐQT (từ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2023)	240.000.000	160.000.000
Ông Trần Lê Nam	Thành viên HĐQT	20.000.000	-
Ông Sơn Cao Thắng	Phó Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2022)	-	138.869.597
Ông Lê Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc	657.827.759	512.147.219
Ông Nguyễn Văn Tầm	Phó Tổng Giám đốc	596.997.324	251.897.869
Ông Nguyễn Thành Sĩ	Phó Tổng Giám đốc	346.342.809	236.642.458
Bà Nguyễn Thị Hồng Cẩm	Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng	580.913.691	336.916.765
Ông Mai Văn Sáu	Trưởng Ban Kiểm soát	14.000.000	-
Ông Hàng Phúc Lâm	Trưởng Ban Kiểm soát (từ nhiệm ngày 30 tháng 9 năm 2022)	-	97.000.000
Bà Dương Thu Hương	Thành viên Ban Kiểm soát (từ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2023)	127.000.000	8.000.000
Ông Lê Văn Khởi	Thành viên Ban Kiểm soát	136.000.000	64.000.000
Bà Lê Thị Tuyết Mai	Thành viên Ban Kiểm soát	8.000.000	-
TỔNG CỘNG		<u>4.729.738.687</u>	<u>2.926.756.292</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

30. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

30.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Nhóm Công ty là sản xuất và mua bán nguyên vật liệu dùng để chế biến dược phẩm và các loại dược phẩm do Nhóm Công ty sản xuất ra. Hoạt động sản xuất kinh doanh khác của Nhóm Công ty chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Nhóm Công ty trong kỳ cũng như các niên độ kế toán trước, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 30 tháng 6 năm 2023 cũng như toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 và 30 tháng 6 năm 2022 đều liên quan đến hoạt động kinh doanh chính. Do đó, Nhóm Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

30.2 Bộ phận theo khu vực địa lý

Doanh thu của Nhóm Công ty có được là do xuất bán hàng hóa trong nội địa trong khi tỷ lệ doanh thu xuất khẩu chiếm tỷ lệ rất thấp trong tổng doanh thu trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 và 30 tháng 6 năm 2022. Do đó, Nhóm Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

31. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (chưa được soát xét)</i>
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	39.138.299.537	37.460.871.544
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	<u>(4.760.063.993)</u>	<u>(4.495.304.585)</u>
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	34.378.235.544	32.965.566.959
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong kỳ	<u>29.493.375</u>	<u>29.493.375</u>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.166	1.118
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.166	1.118

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

(*) Khoản điều chỉnh trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 được tạm thời ghi nhận dựa trên tỷ lệ trích thực 12% từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, do Công ty chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế cho kỳ hiện tại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

32. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Cam kết thuê hoạt động

Nhóm Công ty hiện đang thuê nhà kho và nhà cho các nhân viên theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	30 tháng 6 năm 2023	31 tháng 12 năm 2022
Đến 1 năm	1.047.000.000	977.488.885

Các cam kết liên quan đến các hoạt động đầu tư xây dựng

Nhóm Công ty đã ký kết các hợp đồng liên quan đến việc đầu tư xây dựng nhà máy Dược phẩm GMP-EU và dự án cụm Công nghiệp Tân Ngại. Tổng số vốn cam kết theo các hợp đồng này tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 là 92.018.099.068 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 29.398.676.144 VND).

33. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán hợp nhất giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm công ty.



Nguyễn Thị Hồng Cẩm
Người lập/Kế toán trưởng



Hà Ngọc Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 8 năm 2023